

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư Phúc Long Vân xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phúc Long Vân**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD;

Văn bản số 3672/UBND-KT ngày 12/10/2012 của UBND tỉnh Long An về việc thỏa thuận địa điểm đầu tư và Văn bản số 2373/UBND-KT ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Long An về việc liên danh thực hiện dự án khu dân cư, diện tích 114ha tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Phúc Long Vân tại Tờ trình 38/TTr-PLV ngày 19/12/2018 và Tờ trình số 1706/TTr-KT&HT ngày 26/12/2018 của phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Phúc Long Vân xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Phúc Long Vân tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An do Công ty Cổ phần Phúc Long Vân làm chủ đầu tư với các nội dung sau:

* **Tên đồ án quy hoạch:** Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Phúc Long Vân xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

* **Tên dự án:** Khu dân cư Phúc Long Vân.

* **Địa điểm quy hoạch xây dựng:** xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

* **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Phúc Long Vân.

* Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH MTV TVTK Kiến trúc Long An.

A. Nội dung đồ án:

I. Vị trí, giới hạn, diện tích

Khu đất lập quy hoạch thuộc xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Tứ cận khu đất quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc : giáp Khu dân cư Hai Thành Long An; Khu dân cư An Long – Nam Sài Gòn và dự án khu dân cư của Công ty Cổ phần Bất động sản Long Giang.
- Phía Nam : giáp sông Rạch Dừa.
- Phía Đông : giáp rạch Tắc Đường Châu (giáp ranh huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh).
- Phía Tây : giáp đường Tân Tập - Long Hậu.
- Quy mô : 1.137.933m².

II. Tính chất của khu quy hoạch: Khu dân cư xây dựng mới sử dụng cho việc khai thác kinh doanh; một phần phục vụ tái định cư tại chỗ cho các hộ dân có đất bị thu hồi trong khu vực dự án.

III. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản

- Quy mô dân số bố trí trong khu quy hoạch: 19.500 người.

a) Chỉ tiêu sử dụng đất: gồm đất ở; đất công trình công cộng; đất cây xanh sử dụng công cộng; đất giao thông.

- + Đất ở : 27,02 m²/người (nhà biệt thự, nhà phố, nhà liên kế, nhà tái định cư và đất ở hỗn hợp).
- + Đất công trình công cộng : 7,94 m²/người.
- + Đất cây xanh, mặt nước : 7,16 m²/người.
- + Đất giao thông, bến bãi : 16,23 m²/người.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp điện

- + Nhà phố, liên kế : 3 kW/hộ.
- + Nhà vườn : 5 kW/hộ.
- + Đất ở hỗn hợp : 0,03 kW/m² sàn.
- + Công trình công cộng : 0,035 kW/m² sàn.
- + Nhà trẻ, mẫu giáo : 0,2 kW/cháu.
- + Trường học : 0,15 kW/hs.

- + Công trình TMDV : 0,03 kW/m² sàn.
- + Chiếu sáng cây xanh và cảnh quan : 2 kW/ha.
- + Chiếu sáng giao thông : 5 kW/ha.
- **Cấp nước**
- + Nước sinh hoạt : 120 lít/người.ngày.
- + Công trình công cộng : 2 lít/m² sàn.ngày.
- + Nước nhà trẻ, mẫu giáo : 100 lít/cháu.ngày.
- + Nước trường học : 20 lít/hs.ngày.
- + Nước tưới vườn hoa, công viên : 3 lít/m².ngày.
- + Nước rửa đường : 0,5 lít/m².ngày.
- + Nước dự trữ chữa cháy : q = 20l/s cho 01 đám cháy trong 1h.

- **Nước thải**

- + Nước thải: Lấy bằng 80% lượng nước cấp cho sinh hoạt và dịch vụ công cộng.

- **Rác thải:** 0,9 kg/người.ngày.

- **Thông tin liên lạc:** 35 thuê bao/100 dân.

IV. Quy hoạch không gian kiến trúc, thiết kế đô thị

1. Tổ chức không gian kiến trúc, thiết kế đô thị

a) **Khu ở:** gồm nhà phố, nhà liên kết, nhà biệt thự vườn, nhà tái định cư.

✚ **Nhà phố:** Bố trí tại các khu B(1, 3, 5, 7, 10, 13, 17, 18, 19); C(4, 5, 14, 15, 16, 17, 22, 23, 25, 29, 30, 32, 35).

- + Tổng số : 722 lô.
- + Cao độ nền xây dựng : +0,3m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện).
- + Mật độ xây dựng tối đa : Áp dụng theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD cho từng lô; tối đa không quá 80%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa : 03 tầng (tầng 1 cao 4m; tầng 2 cao 3,6m; tầng 3 cao 3,6m).
- + Khoảng lùi xây dựng : lùi trước tối thiểu 0m so với chỉ giới đường đỏ; lùi sau không chế theo mật độ xây dựng đối với từng lô, tối thiểu 1,0m.
- + Chiều cao xây dựng tối đa : +14,2m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,4 lần.

✚ **Nhà liên kết:** Bố trí tại các khu A(4÷11); B(2, 4, 6, 8, 11, 12, 14, 15, 16, 20, 21); C(1÷3, 6÷13, 18, 19, 21, 24, 26, 28, 31, 33, 36÷40); E(1÷7, 10, 12, 14).



- + Tổng số : 2.759 lô.
- + Cao độ nền xây dựng : +0,3m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện).
- + Mật độ xây dựng tối đa : Áp dụng theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD cho từng lô; tối đa không quá 85%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa : 03 tầng (tầng 1 cao 4m; tầng 2 cao 3,6m; tầng 3 cao 3,6m).
- + Khoảng lùi xây dựng : lùi trước tối thiểu 2÷3m so với chỉ giới đường đỏ; lùi sau không chế theo mật độ xây dựng đối với từng lô, tối thiểu 1,0m.
- + Chiều cao xây dựng tối đa : +14,2m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,4 lần.

⚡ **Nhà biệt thự vườn:** Bố trí tại các khu B(9, 22, 23), C(20, 27, 34), D(1÷7), E(8, 9, 11, 13, 15, 16).

- + Tổng số : 448 lô.
- + Cao độ nền xây dựng : +0,45m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện).
- + Mật độ xây dựng tối đa : 60%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa : 1÷3 tầng (tầng 1 cao 4m; tầng 2 cao 3,6m; tầng 3 cao 3,6m).
- + Khoảng lùi xây dựng : lùi trước 3m so với chỉ giới đường đỏ; lùi sau không chế theo mật độ xây dựng đối với từng lô, tối thiểu 1,0m.
- + Chiều cao xây dựng tối đa : +14,2m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,4 lần.

⚡ **Nhà tái định cư:** Bố trí tại các khu A(1÷3).

- + Tổng số : 154 lô.
- + Cao độ nền xây dựng : +0,45m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện).
- + Mật độ xây dựng tối đa : Áp dụng theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD cho từng lô; tối đa không quá 80%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa : 1÷3 tầng (tầng 1 cao 4m; tầng 2 cao 3,6m; tầng 3 cao 3,6m).
- + Khoảng lùi xây dựng : lùi trước 2÷3m so với chỉ giới đường đỏ; lùi sau không chế theo mật độ xây dựng đối với từng lô, tối thiểu 1,0m.
- + Chiều cao xây dựng tối đa : +14,2m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,55 lần.

⚡ **Đất ở hỗn hợp:** Ký hiệu HH; gồm 02 khu với tổng diện tích 71.759m².

- + Cao độ nền xây dựng : +0,45m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện).
- + Mật độ xây dựng tối đa : 40%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa : 3 tầng (tầng 1 cao 4m; tầng 2 cao 3,6m; tầng 3 cao 3,6m).
- + Khoảng lùi xây dựng : lùi trước 2÷3m so với chỉ giới đường đỏ.
- + Chiều cao xây dựng tối đa : +14,2m (tính từ cốt lè đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
- + Tỷ lệ đất trồng cây xanh tối thiểu : 30%.
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 1,2 lần.

b) Các công trình công cộng: gồm công trình nhà trẻ - mẫu giáo, trường tiểu học, trường THCS, y tế, hành chính, văn hóa – TDTT, thương mại dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật.

- + Mật độ xây dựng : 40%.
- + Tầng cao xây dựng : 01 tầng đối với công trình văn hóa – TDTT ; 02 tầng đối với công trình trường tiểu học và y tế; 03 tầng đối với công trình nhà trẻ - mẫu giáo và trường THCS; 04 tầng đối với công trình hành chính; 05 tầng đối với công trình thương mại dịch vụ.
- + Hệ số sử dụng : tùy thuộc mật độ xây dựng và tầng cao xây dựng của từng công trình.
- + Khoảng lùi công trình : $\geq 5,0m$ so với các mặt xung quanh.
- + Tỷ lệ đất trồng cây xanh tối thiểu : 30%.

c) Cây xanh sử dụng công cộng

- + Mật độ xây dựng : 5% .
- + Tầng cao : 1 tầng.
- + Khoảng lùi công trình : $\geq 6,0m$ so với các mặt xung quanh.
- + Hệ số sử dụng đất : 0,05 lần.

d) Công trình hạ tầng kỹ thuật

- + Mật độ xây dựng : 40%.
- + Tầng cao : 1 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất : 0,4 lần.

2. Quy hoạch sử dụng đất

- Đất ở (4.083 lô)	: 526.992m ²	(46,31%)
+ Nhà phố (722 lô)	: 72.684,5m ² .	
+ Nhà liên kế (2.759 lô)	: 267.972,5m ² .	

+ Nhà vườn (448 lô)	: 93.165m ² .	
+ Nhà ở tái định cư (154 lô)	: 21.411m ² .	
+ Nhà ở hỗn hợp	: 71.759m ² .	
- Đất công trình công cộng	: 154.793m²	(13,60%)
+ Đất giáo dục	: 52.304m ² .	
• Đất trường tiểu học	: 20.385m ² .	
• Đất mẫu giáo – nhà trẻ	: 15.299m ² .	
• Đất trường THCS	: 16.620m ² .	
+ Đất y tế	: 10.262m ² .	
+ Đất thương mại dịch vụ	: 74.168m ² .	
+ Đất hành chính	: 1.951m ² .	
+ Đất văn hóa - TDTT	: 10.600m ² .	
+ Trạm xử lý nước thải	: 4.036m ² .	
+ Trạm cấp nước	: 1.472m ² .	
- Đất cây xanh	: 139.576m²	(12,27%)
- Đất giao thông + bến bãi	: 316.572m²	(27,82%)
Tổng cộng	: 1.137.933m²	(100%).

3. Quy hoạch phân lô

Đất xây dựng nhà ở tổng diện tích 526.992m² – 46,31%, bao gồm:

a) Nhà liên kế (267.972,5m²) bố trí 2.759 lô.

* **Khu A4:** 28 lô, diện tích mỗi lô từ 114m² đến 160m². Diện tích tổng cộng: 3.294m².

* **Khu A5:** 28 lô, diện tích mỗi lô từ 114m² đến 160m². Diện tích tổng cộng: 3.294m².

* **Khu A6:** 36 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 167m². Diện tích tổng cộng 3.708m².

* **Khu A7:** 36 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 167m². Diện tích tổng cộng 3.708m².

* **Khu A8:** 28 lô, diện tích mỗi lô từ 114m² đến 160m². Diện tích tổng cộng: 3.294m².

* **Khu A9:** 48 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 125,6m². Diện tích tổng cộng 4.682,5m².

* **Khu A10:** 28 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 163,5m². Diện tích tổng cộng 2.934,5m².

- * **Khu A11:** 74 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 148m². Diện tích tổng cộng 7.242m².
- * **Khu B2:** 38 lô, diện tích mỗi lô từ 91m² đến 112m². Diện tích tổng cộng: 3.526m².
- * **Khu B4:** 32 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 160,5m². Diện tích tổng cộng: 3.171m².
- * **Khu B6:** 24 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 99m². Diện tích tổng cộng: 2.288m².
- * **Khu B8:** 28 lô, diện tích mỗi lô từ 80m² đến 278m². Diện tích tổng cộng: 2.800m².
- * **Khu B11:** 47 lô, diện tích mỗi lô từ 89m² đến 200m². Diện tích tổng cộng: 4.445m².
- * **Khu B12:** 38 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 141,5m². Diện tích tổng cộng: 3.796m².
- * **Khu B14:** 38 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 133,5m². Diện tích tổng cộng: 3.593,5m².
- * **Khu B15:** 50 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 149,6m². Diện tích tổng cộng: 4.738,5m².
- * **Khu B16:** 50 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 149,6m². Diện tích tổng cộng: 4.738,5m².
- * **Khu B20:** 74 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 151,5m². Diện tích tổng cộng: 6.906m².
- * **Khu B21:** 74 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 151,5m². Diện tích tổng cộng: 6.906m².
- * **Khu C1:** 70 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 122,5m². Diện tích tổng cộng: 6.430m².
- * **Khu C2:** 70 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 130m². Diện tích tổng cộng: 6.790m².
- * **Khu C3:** 70 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 130m². Diện tích tổng cộng: 6.790m².
- * **Khu C6:** 46 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 146m². Diện tích tổng cộng: 4.574m².
- * **Khu C7:** 46 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 146m². Diện tích tổng cộng: 4.574m².
- * **Khu C8:** 46 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 146m². Diện tích tổng cộng: 4.574m².
- * **Khu C10:** 52 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 120,5m². Diện tích tổng cộng: 5.042m².
- * **Khu C11:** 52 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 120,5m². Diện tích tổng cộng: 5.042m².
- * **Khu C12:** 52 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 120,5m². Diện tích tổng cộng: 5.042m².
- * **Khu C13:** 64 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 177,5m². Diện tích tổng cộng: 6.244m².
- * **Khu C18:** 24 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 177,5m². Diện tích tổng cộng: 2.445m².
- * **Khu C19:** 52 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 139,5m². Diện tích tổng cộng: 5.118m².
- * **Khu C21:** 46 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 166,5m². Diện tích tổng cộng: 4.513m².
- * **Khu C24:** 46 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 166,5m². Diện tích tổng cộng: 4.513m².

- * **Khu C26:** 26 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 2.597m².
- * **Khu C28:** 62 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 143,5m². Diện tích tổng cộng: 6.084m².
- * **Khu C31:** 26 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 2.597m².
- * **Khu C33:** 72 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 139,5m². Diện tích tổng cộng: 7.017,5m².
- * **Khu C36:** 100 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 153m². Diện tích tổng cộng: 9.732m².
- * **Khu C37:** 100 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 153m². Diện tích tổng cộng: 9.732m².
- * **Khu C38:** 100 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 153m². Diện tích tổng cộng: 9.732m².
- * **Khu C39:** 100 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 274,5m². Diện tích tổng cộng: 2.295m².
- * **Khu C40:** 24 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 113,5m². Diện tích tổng cộng: 2.207m².
- * **Khu E1:** 123 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 181,5m². Diện tích tổng cộng: 11.903,5m².

- * **Khu E2:** 103 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 161m². Diện tích tổng cộng: 10.448,5m².
- * **Khu E3:** 54 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 167m². Diện tích tổng cộng: 5.015m².
- * **Khu E4:** 38 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 167m². Diện tích tổng cộng: 3.413m².
- * **Khu E5:** 84 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 161m². Diện tích tổng cộng: 7.775m².
- * **Khu E6:** 84 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 151m². Diện tích tổng cộng: 7.7555m².
- * **Khu E7:** 36 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 115m². Diện tích tổng cộng: 3.287,5m².
- * **Khu E10:** 42 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 129,5m². Diện tích tổng cộng: 3.287,5m².
- * **Khu E12:** 52 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 136,5m². Diện tích tổng cộng: 4.773m².
- * **Khu E14:** 26 lô, diện tích mỗi lô từ 90m² đến 136,5m². Diện tích tổng cộng: 2.386,5m².

b) Nhà phố (72.684,5m²) bố trí 722lô.

- * **Khu B1:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 154,5m². Diện tích tổng cộng: 708,5m².
- * **Khu B3:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 167,5m². Diện tích tổng cộng: 735m².
- * **Khu B5:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 167,5m². Diện tích tổng cộng: 735m².
- * **Khu B7:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 147,5m². Diện tích tổng cộng: 695m².
- * **Khu B10:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 147,5m². Diện tích tổng cộng: 695m².
- * **Khu B13:** 68 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 137,5m². Diện tích tổng cộng: 6.950m².

- * **Khu B17:** 40 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 105,5m². Diện tích tổng cộng: 3.821m².
- * **Khu B18:** 58 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 105,5m². Diện tích tổng cộng: 5.620m².
- * **Khu B19:** 32 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 127,5m². Diện tích tổng cộng: 3.310 m²
- * **Khu C4:** 52 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 107,5m². Diện tích tổng cộng: 5.230 m²
- * **Khu C5:** 18 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 107,5m². Diện tích tổng cộng: 4817,5 m²
- * **Khu C14:** 72 lô, diện tích mỗi lô từ 100m² đến 127,5m². Diện tích tổng cộng: 7.310 m²
- * **Khu C15:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 697 m²
- * **Khu C16:** 52 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 120,5m². Diện tích tổng cộng: 5.042 m²
- * **Khu C17:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 697 m
- * **Khu C22:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 697 m
- * **Khu C25:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 697 m
- * **Khu C26:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 697 m
- * **Khu C29:** 62 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 6.084 m
- * **Khu C30:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 158,5m². Diện tích tổng cộng: 697 m
- * **Khu C32:** 72 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 139,5m². Diện tích tổng cộng: 7.017, 5m
- * **Khu C35:** 100 lô, diện tích mỗi lô từ 95m² đến 139,5m². Diện tích tổng cộng: 9.732m²

c) Nhà biệt thự vườn (93.165m²) bố trí 448 lô.

- * **Khu B9:** 40 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 241m². Diện tích tổng cộng: 8.094m².
- * **Khu B22:** 16 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 227,5m². Diện tích tổng cộng: 3.310m².
- * **Khu B23:** 58 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 217,5m². Diện tích tổng cộng: 11.679m².
- * **Khu C20:** 26 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 247,5m². Diện tích tổng cộng: 5.390m².
- * **Khu C27:** 48 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 321,75m². Diện tích tổng cộng: 10.087m².
- * **Khu C34:** 36 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 247,375m². Diện tích tổng cộng: 7.389,5m².
- * **Khu D1:** 32 lô, diện tích mỗi lô từ 190m² đến 310,5m². Diện tích tổng cộng: 6.562m².
- * **Khu D2:** 32 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 327,375m². Diện tích tổng cộng: 6.909,5m².

* **Khu D3:** 24 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 227,375m². Diện tích tổng cộng: 4.909,5m².

* **Khu D4:** 22 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 227,5m². Diện tích tổng cộng: 4.719,5m².

* **Khu D5:** 18 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 196,5m². Diện tích tổng cộng: 3.446m².

* **Khu D6:** 24 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 328,5m². Diện tích tổng cộng: 5.236m².

* **Khu D7:** 16 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 255m². Diện tích tổng cộng: 3.449,5m².

* **Khu E8:** 18 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 234m². Diện tích tổng cộng: 3.655m².

* **Khu E9:** 3 lô, diện tích mỗi lô từ 20m² đến 250m². Diện tích tổng cộng: 695m².

* **Khu E11:** 6 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 367m². Diện tích tổng cộng: 1.436m².

* **Khu E13:** 3 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 250m². Diện tích tổng cộng: 695m².

* **Khu E15:** 16 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 253m². Diện tích tổng cộng: 3.388m².

* **Khu E16:** 9 lô, diện tích mỗi lô từ 200m² đến 253m². Diện tích tổng cộng: 2.114,5m².

d) Nhà tái định cư (21.411m²) bố trí 154 lô.

* **Khu A1:** 30 lô, diện tích mỗi lô từ 114m² đến 286m². Diện tích tổng cộng: 7.003m².

* **Khu A2:** 62 lô, diện tích mỗi lô từ 114m² đến 175m². Diện tích tổng cộng: 7.204m².

* **Khu A3:** 62 lô, diện tích mỗi lô từ 114m² đến 175m². Diện tích tổng cộng: 7.204m².

e) Đất ở hỗn hợp (73.881m²) bố trí 02 khu.

* **Khu HH:** diện tích mỗi lô từ 29.475m².

* **Khu HH:** diện tích mỗi lô từ 42.284m².

V. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) San nền

- Chọn cao độ xây dựng $H \geq 2,30$ m (hệ Hòn Dấu), tính đến phần thấp nhất ở mép đường trùng với cao độ san lấp.

- Xây dựng hệ thống đê kè dọc các tuyến sông - rạch nhằm chống sạt lở đất.

- Hướng đổ dốc: từ giữa các tiểu khu ra xung quanh và thấp dần về phía các sông rạch.

- Cao độ thiết kế đường đảm bảo điều kiện tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất.

b) Thoát nước mưa

- Tổ chức hệ thống thoát riêng cho nước thải và nước mặt.
- Hướng thoát nước chính: Nước mặt được thu gom tại hố ga đặt trên vỉa hè theo hệ thống cống dẫn thoát về sông Rạch Dừa, rạch Tắc Đường Châu, sông Bến Tranh, rạch Thầy Lý.
- Hệ thống thoát nước được bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ trong khu quy hoạch để thu nước mặt đường. Dọc các đường quy hoạch sẽ thiết lập hệ thống cống kín hình thức tự chảy có đường kính từ $\Phi 400\text{mm}$ ÷ $\Phi 1.000\text{mm}$. Bố trí các hố ga cách khoảng 20÷25 m/hố ga.

2. Giao thông

⇩ Giao thông đối ngoại

- Phía Đông dự án tiếp cận trực đường Tân Tập – Long Hậu hiện hữu có lộ giới 80m, kết nối giao thông thuận tiện với khu vực xung quanh.

⇩ Giao thông đối nội

- Được thiết kế đảm bảo giao thông thông suốt, dễ dàng tiếp cận vào công trình; đảm bảo khoảng cách bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Hệ thống mạng lưới giao thông nội bộ gồm:

* **Đường quy hoạch chung:** mặt đường rộng 7mx2, dải phân cách giữa rộng 3m, vỉa hè 2 bên 3mx2, lộ giới 23m.

- * **Đường số 1:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 2:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 3:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 4:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 5:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 6:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 7:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 8:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 9:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 10:** mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 13m.
- * **Đường số 11:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 12:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 13:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 14:** mặt đường rộng 9m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 15m.
- * **Đường số 15:** mặt đường rộng 9m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 16:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.

- * **Đường số 17:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 18:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 19:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 20:** mặt đường rộng 12m, vỉa hè 2 bên 5mx2. Lộ giới 22m.
- * **Đường số 21:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 22:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 23:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 24:** mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 13m.
- * **Đường số 25:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 26:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 27:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 28:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 29:** mặt đường đôi rộng 7mx2, dây cây xanh phân cách giữa 3m, vỉa hè 2 bên 4mx2. Lộ giới 25m.
- * **Đường số 30:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 31:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 32:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 33:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 34:** mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 4mx2. Lộ giới 15m.
- * **Đường số 35:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 36:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 37:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 38:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 39:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 40:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 41:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 42:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 43:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 44:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 45:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 46:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 47:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 48:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.



- * **Đường số 49:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 50:** mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 13m.
- * **Đường số 51:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 52:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 53:** mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 4mx2. Lộ giới 15m.
- * **Đường số 54:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 55:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 56:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 57:** mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 13m.
- * **Đường số 58:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 59:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 60:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 61:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 62:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 63:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 64:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 65:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 66:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 67:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.
- * **Đường số 68:** mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Lộ giới 12m.

✦ Các yếu tố kỹ thuật

- Kết cấu áo đường: bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.
- Vỉa hè lát gạch xi măng màu có trang trí và chừa chỗ trồng cây xanh và các công trình kỹ thuật như thoát nước, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc,....
- Bó vỉa: bằng bê tông xi măng có tạo dốc nghiêng ra mặt đường để thuận tiện cho xe 2 bánh lên xuống và thuận tiện cho người khuyết tật.

3. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

a) Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho khu vực là tuyến đường dây trung thế 22kV dọc đường ĐT.826D từ trạm 110kV/22kV Long Hậu.

b) Nhu cầu sử dụng điện: Tổng nhu cầu công suất khoảng 18.244kW.

c) Mạng lưới

- Xây dựng mới 5 trạm biến áp phân phối 22/0,4kV với công suất đảm bảo phục vụ dự án kiểu trạm phòng, trạm hợp bộ, trạm đơn thân, trạm giàn hoặc bố trí bên trong các công trình ... cấp điện 0,4kV và chiếu sáng cho khu quy hoạch.

- Xây dựng mới tuyến cáp ngầm 22kV đấu nối 5 trạm biến áp phân phối trên vào lưới điện khu vực theo dạng lưới kín vận hành hồ sử dụng cáp ngầm cách điện XLPE 24kV cỡ dây $\geq 240\text{mm}^2$. Chiều dài tuyến 22kV ngầm xây mới khoảng 3,038km.

- Xây dựng mới lưới điện ngầm hạ thế đấu nối từ bảng điện hạ thế tại trạm biến áp phân phối đến các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực theo dạng lưới kín vận hành hồ sử dụng cáp ngầm cách điện XLPE 600V tiết diện thích hợp được luồn trong các ống nhựa PVC chịu lực, các vị trí vượt đường giao thông sử dụng ống sắt mạ kẽm thay cho ống nhựa PVC và được chôn trực tiếp trong đất. Các phụ tải được lấy điện ở các tủ phân phối thứ cấp gần nhất, việc phân tải theo thực tế sử dụng. Chiều dài tuyến hạ thế ngầm xây mới khoảng 27,461km.

- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường, chiếu sáng công viên, vườn hoa... là hệ thống ngầm đảm bảo mỹ quan và an toàn. Đèn đường là loại đèn cao áp thủy ngân có công suất 100÷400W ánh sáng vàng; trụ sắt tráng kẽm cao trung bình từ 10÷12m, khoảng cách trụ trung bình từ 30÷35m tùy thuộc vào bề rộng mặt đường.

4. Cấp nước

a) Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước cấp của Công Ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè trên đường ĐT.826C.

b) Nhu cầu dùng nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước trong ngày: $3.893\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Ngoài ra tính toán nước phục vụ chữa cháy với trữ lượng 72m^3 cho một đám cháy trong 1h.

c) Mạng lưới

- Sử dụng ống HDPE đường kính D60÷350 cho các đường ống cấp nước.
- Mạng lưới đường ống cấp nước của khu quy hoạch được thiết kế hoàn chỉnh cho việc tiếp nhận nguồn nước máy. Hệ thống cấp nước được xây dựng trên lề đường cách mặt đất 0,7÷1,0m và cách móng công trình 1,5m. Vận tốc nước chảy trong ống từ 1÷3m/s.

- Bố trí các trụ chữa cháy trên các tuyến ống cấp nước vào công trình, với khoảng cách tối đa 150m/trụ.

5. Thoát nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường

✚ Xử lý nước thải

- Hệ thống công thoát nước thải được lựa chọn theo kiểu riêng hoàn toàn.
- Lưu lượng nước thải sinh hoạt: $3.114\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Nước thải được xử lý theo 2 cấp:
 - + Cấp thứ nhất: nước thải từ các hộ gia đình sẽ được xử lý qua hầm tự hoại sau đó theo các tuyến cống chính dẫn về trạm xử lý chung của khu quy hoạch.

+ Cấp thứ 2: nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải nằm ở phía Tây Nam ngoài ranh dự án, trạm xử lý nước thải sẽ xử lý nước thải đạt cột A QCVN 14-2008, qua hồ kiểm soát sau đó thoát ra hệ thống kênh rạch tự nhiên.

- Công thoát nước thải được thiết kế dọc theo các tuyến đường có bố trí công trình ở. Công thoát nước thải sử dụng loại công tròn đường kính D300-D400, vật liệu bê tông cốt thép chịu lực không thấm hoặc ống nhựa uPVC; các tuyến công được xây dựng ngầm dưới lề đường, độ sâu chôn công tính từ đỉnh công >0,5m khi công không chịu hoạt tải của xe, >0,7m khi công chịu tác động trực tiếp từ hoạt tải xe.

- Tại các khu công cộng cần bố trí các khu vệ sinh công cộng có xử lý sơ bộ trước khi thoát ra công thoát nước thải.

✦ **Xử lý rác**

- Tổng lượng rác thải: 17.550tấn/ngày (0,9kg/người.ngày).
- Khuyến khích phân loại rác tại nguồn. Chất thải rắn phải được thu gom trong ngày bằng xe chuyên dùng sau đó tập trung vào điểm tập trung chất thải rắn nằm trong khu vực xử lý nước thải của khu quy hoạch và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của thành phố Hồ Chí Minh, đặt tại Đa Phước huyện Bình Chánh.

6. Thông tin liên lạc

- **Nguồn:** Từ trạm Viễn thông huyện Cần Giuộc.
- **Nhu cầu:** Khoảng 6.825 máy.
- **Mạng lưới:** Đầu tư xây dựng mới một hệ thống ngầm thông tin liên lạc hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia. Các tuyến công bề và cáp đồng sẽ được đi ngầm.

7. Cây xanh

- Trồng cây xanh lấy bóng mát trên vỉa hè các trục đường trong khu quy hoạch, tại các giao lộ không trồng cây làm che khuất tầm nhìn.
- Không trồng các loại cây có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, các cây dễ rụng lá, dễ gãy đổ, gãy cành...
- Trồng cây xanh thảm cỏ trang trí tại công viên, dãy phân cách,...Cây xanh lấy bóng mát; Bãi cỏ, cây bụi trang trí.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

✦ **Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường trong quá trình xây dựng, cần quản lý tốt các nguồn gây ô nhiễm. Cụ thể:

- Thành lập Ban quản lý môi trường dự án, thực hiện chức năng thanh tra và kiểm tra môi trường.
- Quản lý hồ sơ dự án chặt chẽ về các mặt bằng thi công, khối lượng thi công trong từng giai đoạn, tiến độ,...
- Quản lý thông tin về phương tiện và thiết bị thi công.

- Có biện pháp che chắn công trường trong giai đoạn san lấp mặt bằng để hạn chế bụi phát tán trên diện rộng.

- Có các quy định trong công trường để giữ gìn vệ sinh khu vực xây dựng. Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, không gây ảnh hưởng đến giao thông hoặc đến sinh hoạt cũng như lao động sản xuất của khu vực xung quanh. Thu gom, tập kết và xử lý rác thải xây dựng, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Phun nước tại các điểm đổ vật liệu để tránh bụi.

- Có bộ phận công nhân thường xuyên quét dọn mặt bằng.

- Đối với xe chuyên chở vật liệu, phải có biện pháp che phủ, tránh để vật liệu rơi vãi, tránh chở vật liệu rời quá đầy.

- Lựa chọn các loại vật liệu phù hợp giảm ảnh hưởng đến thảm thực vật.

- Khi tiến hành san lấp, cần có biện pháp san gạt phù hợp tránh các tác động mạnh đến môi trường.

- Lựa chọn thời điểm thi công chính vào những tháng ít mưa, gió,....

± Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình hoạt động

Các vấn đề về nước thải, chất thải rắn,... được giải quyết bằng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh (được trình bày ở phần Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật). Và phải được thực hiện và quản lý thực hiện chặt chẽ.

Điều 2. Công ty Cổ phần Phúc Long Vân và các ngành có liên quan thực hiện đúng theo nội dung sau:

- Sau khi đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, Chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và phối hợp với UBND xã Long Hậu, UBND huyện Cần Giuộc tổ chức triển khai cắm mốc giới đồ án quy hoạch chi tiết trong khu vực dự án theo quy định. Hồ sơ cắm mốc giới trước khi phê duyệt phải được phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cần Giuộc chấp thuận để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án. Sau khi hoàn thành công tác cắm mốc, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu và bàn giao hồ sơ hoàn công cắm mốc giới theo thực tế triển khai ngoài thực địa cho UBND xã Long Hậu để tổ chức bảo vệ cột mốc.

- Triển khai dự án theo diện tích quy hoạch được duyệt. Diện tích và ranh giới quy hoạch căn cứ theo trích đo bản đồ địa chính được Sở tài nguyên và môi trường cung cấp.

- Khi triển khai dự án phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các vấn đề thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, hệ thống hạ tầng hiện hữu khu vực, đồng thời đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật xung quanh.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày đồ án quy hoạch được phê duyệt, phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với Công ty Cổ phần Phúc Long Vân công bố quy hoạch và tiến độ dự án theo đúng quy định.

- Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn dự thảo quy định xây dựng trong khu quy hoạch, trình UBND huyện Cần Giuộc phê duyệt để làm cơ sở quản lý thực hiện quy hoạch.

- Chủ đầu tư phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Cần Giuộc và các ngành có liên quan chi tiết tiến độ thực hiện đầu tư (định kỳ mỗi tháng 1 lần) và phối hợp chặt chẽ với ngành Xây dựng, Giao

thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Điện lực, Cấp nước, Công trình đô thị và các ngành chức năng có liên quan để đảm bảo việc thực hiện công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp và đồng bộ với dự án đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Công ty Cổ phần Phúc Long Vân, Chủ tịch UBND xã Long Hậu và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng (b/c);
- TT.HU; TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Như Điều 3;
- NCUB;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh